

**DANH SÁCH (DỰ KIẾN) SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ III, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Ban hành kèm theo quyết định: /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm)

Đơn vị: Khoa Công Nghệ Thông Tin

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
1	18/KHMT	1851010045	Bùi Xuân	Hiếu	24/05/2000	2018	CQ_CN	3.85	90	Xuất sắc	6,600,000	100%	6,600,000	
2		1851010052	Võ Đình	Huy	09/11/2000	2018	CQ_CN	3.70	100	Xuất sắc	6,600,000	100%	6,600,000	
3		1851010128	Ngô Trần Duy	Thiện	26/02/2000	2018	CQ_CN	3.70	90	Xuất sắc	6,600,000	100%	6,600,000	
4		1851010126	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/02/2000	2018	CQ_CN	3.80	87	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
5		1851010065	Trương Ngọc Trúc	Lâm	09/11/2000	2018	CQ_CN	3.70	85	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
6		1851010041	Nguyễn Thanh	Hằng	14/09/2000	2018	CQ_CN	3.55	90	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
7		1851010160	Phòng Chấn	Xung	07/04/2000	2018	CQ_CN	3.50	90	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
8		1851010152	Chế Quang	Tùng	12/03/2000	2018	CQ_CN	3.40	90	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
9		1851010125	Trần Tấn	Thành	17/10/2000	2018	CQ_CN	3.30	85	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
10		1851010029	Trịnh Chấn	Đạt	31/05/2000	2018	CQ_CN	3.20	82	Giỏi	6,600,000	70%	4,620,000	
11	18/HTTQT	1854050047	Trần Ngọc Mai	Linh	15/08/2000	2018	CQ_CN	3.75	100	Xuất sắc	3,960,000	100%	3,960,000	
12		1854050025	Lê Thanh	Hiền	30/03/2000	2018	CQ_CN	3.75	95	Xuất sắc	3,960,000	100%	3,960,000	
13		1854050106	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	10/02/2000	2018	CQ_CN	3.75	90	Xuất sắc	3,960,000	100%	3,960,000	
14		1854050010	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	09/03/1999	2018	CQ_CN	3.50	100	Giỏi	3,960,000	70%	2,772,000	
15		1854050006	Lê Thị Phương	Anh	01/10/2000	2018	CQ_CN	3.50	100	Giỏi	3,960,000	70%	2,772,000	
16		1854050060	Trần Thị Cẩm	My	21/02/2000	2018	CQ_CN	3.50	95	Giỏi	3,960,000	70%	2,772,000	
17		1854050039	Bùi Văn	Lâm	09/11/2000	2018	CQ_CN	3.50	90	Giỏi	3,960,000	70%	2,772,000	Cung cấp lại STK đủ 15 chữ số

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
18	18/CNTT	1851050059	Trần Vũ	Khang	29/07/2000	2018	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	4,620,000	100%	4,620,000	
19		1851050065	Huỳnh Linh	Khôi	10/06/2000	2018	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	4,620,000	100%	4,620,000	
20		1851050187	Phan Thanh	Vĩ	31/07/2000	2018	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	4,620,000	100%	4,620,000	
21		1851050182	Nguyễn Thị Thu	Uyên	17/01/2000	2018	CQ_CN	4.00	89	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
22		1851050140	Nguyễn Phương Thu	Thủy	15/09/2000	2018	CQ_CN	4.00	85	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
23		1851050025	Lý Quốc	Dũng	13/09/2000	2018	CQ_CN	4.00	80	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
24		1851050056	Trần Phần	Huy	15/02/2000	2018	CQ_CN	3.79	85	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
25		1851050159	Nguyễn Đỗ	Trọng	05/08/2000	2018	CQ_CN	3.79	85	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
26		1851050120	Lê Hữu	Phước	13/10/2000	2018	CQ_CN	3.79	82	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
27		1851050192	Nguyễn Quốc	Vỹ	09/06/2000	2018	CQ_CN	3.79	81	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
28		1851050115	Nguyễn Thiên	Phúc	27/07/2000	2018	CQ_CN	3.71	85	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
29		1851050077	Nguyễn Trần Công	Lập	15/10/2000	2018	CQ_CN	3.57	90	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
30		1851050071	Lục Tuấn	Kiện	29/12/2000	2018	CQ_CN	3.57	87	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
31		1851050003	Đỗ Nguyễn Văn	Anh	11/01/2000	2018	CQ_CN	3.57	85	Giỏi	4,620,000	70%	3,234,000	
32	19/KHMT	1951012100	Nguyễn Văn	Quốc	07/07/2001	2019	CQ_CN	4.00	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
33		1951012106	Nguyễn Hoài	Son	23/01/2001	2019	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
34		1951012075	Mai Bảo	Nam	09/08/2001	2019	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
35		1951010014	Nguyễn Quỳnh	Giao	01/01/2000	2019	CQ_CN	3.89	95	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
36		1951012151	Nguyễn Trường	Vũ	01/01/2001	2019	CQ_CN	3.83	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
37		1951012090	Lê Vinh	Phú	10/05/2001	2019	CQ_CN	3.78	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
38		1951012149	Ôn Quang	Vinh	22/02/2001	2019	CQ_CN	3.78	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
39		1951012133	Võ Thị Anh	Thư	18/10/2001	2019	CQ_CN	3.78	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
40		1951012071	Nguyễn Trương Anh	Minh	07/10/2001	2019	CQ_CN	3.72	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
41		1951012146	Nguyễn Nhật	Trường	20/02/2001	2019	CQ_CN	3.67	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
42	19/HTLH/ TĐLTQL	1954052122	Đinh Quốc	Việt	31/08/2001	2019	CQ_CN	3.78	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
43		1954052078	Lê Thị Diễm	Phượng	08/09/2001	2019	CQ_CN	3.67	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
44		1954050045	Dương Minh	Trang	01/05/2001	2019	CQ_CN	3.67	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
45		1954050048	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	27/10/2001	2019	CQ_CN	3.61	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
46		1954052080	Hứa Lê Như	Quỳnh	29/11/2001	2019	CQ_CN	3.61	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
47		1954052077	Cao Hoàng	Phượng	17/03/2001	2019	CQ_CN	3.67	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
48		1954050020	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/10/2001	2019	CQ_CN	3.67	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
49		1954050026	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	11/08/2001	2019	CQ_CN	3.50	90	Giỏi	5,640,000	70%	3,948,000	
50		1954052062	Phạm Trần Thanh	Ngân	25/07/2001	2019	CQ_CN	3.44	100	Giỏi	5,640,000	70%	3,948,000	
51		1951050080	Nguyễn Văn	Thu	25/01/2001	2019	CQ_CN	4.00	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
52	19/CNTT	1951050027	Bùi Khánh	Huy	27/02/2001	2019	CQ_CN	4.00	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
53		1951052195	Nguyễn Hoàng Trung	Thông	29/11/2001	2019	CQ_CN	3.83	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
54		1951050085	Nguyễn Minh	Tiến	09/11/2001	2019	CQ_CN	3.83	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
55		1951052056	Nguyễn Ngọc	Hiếu	20/03/2001	2019	CQ_CN	3.83	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
56		1951050041	Huỳnh Tấn	Lợi	05/04/2001	2019	CQ_CN	3.83	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
57		1951050100	Nguyễn Văn	Trường	25/11/2001	2019	CQ_CN	3.83	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
58		1951050071	Phạm Thị Diệu	Quế	19/10/2001	2019	CQ_CN	3.78	95	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
59		1951052126	Nguyễn Thành	Nam	01/01/2001	2019	CQ_CN	3.78	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
60		1951052091	Nguyễn Trung	Kiên	15/02/2001	2019	CQ_CN	3.78	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
61		1951052122	Đặng Ngọc Hoài	Nam	06/01/2001	2019	CQ_CN	3.72	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
62		1951052134	Lưu Nhật	Nguyên	01/10/2001	2019	CQ_CN	3.67	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
63		1951052042	Nguyễn Thanh	Định	28/10/2001	2019	CQ_CN	3.67	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
64		1951052199	Nguyễn Nhật	Tiến	04/04/2001	2019	CQ_CN	3.67	100	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
65		1951052036	Lê Phát	Đạt	27/04/2001	2019	CQ_CN	3.67	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	Cung cấp lại STK đủ 15 chữ số
66		1951050060	Đinh Hữu	Phát	11/07/2001	2019	CQ_CN	3.67	90	Xuất sắc	5,640,000	100%	5,640,000	
67	20/KHMT	2051012114	Nguyễn Đặng	Tiến	14/08/2002	2020	CQ_CN	3.79	85	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
68		2051012086	Lại Bình	Phong	08/09/2002	2020	CQ_CN	3.79	85	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
69		2051010083	Phan Thanh	Hải	18/05/2002	2020	CQ_CN	3.43	100	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
70		2051012074	Hồ Đắc	Nguyên	17/11/1999	2020	CQ_CN	3.43	84	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
71		2051012004	Nguyễn Văn	Anh	09/10/2002	2020	CQ_CN	3.14	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
72		2051012054	Vũ Nguyễn Mai	Linh	29/11/2002	2020	CQ_CN	3.00	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
73		2051010032	Lê Văn	Chiến	04/11/2002	2020	CQ_CN	3.00	81	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
74		2051010365	Mai Xuân	Vĩnh	26/07/2002	2020	CQ_CN	2.86	80	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
75		2051012108	Phạm Hoàng Nhật	Thanh	22/09/2002	2020	CQ_CN	2.71	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
76		2051012011	Mai Thanh	Bình	30/05/2001	2020	CQ_CN	2.71	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
77		2051012056	Lê Phi	Long	19/07/2002	2020	CQ_CN	2.64	83	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
78		2054052023	Phạm Thị Thùy	Hương	17/12/2001	2020	CQ_CN	3.43	100	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản
79		2054050202	Vũ Thị Thanh	Tâm	10/07/2002	2020	CQ_CN	3.43	100	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản
80		2054052046	Bùi Thị Kim	Oanh	29/10/2002	2020	CQ_CN	3.43	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	
81		2054052031	Lê Ngọc	Minh	25/10/2002	2020	CQ_CN	3.43	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	
82		2054052019	Nguyễn Thị Như	Hiếu	16/05/2002	2020	CQ_CN	3.43	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản
83		2054050234	Ngô Đức	Tiến	25/02/2002	2020	CQ_CN	3.43	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
84	20/HTTQL	2054052069	Đặng Thị Thủy	Tiên	17/11/2002	2020	CQ_CN	3.43	88	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	
85		2054052065	Bùi Anh	Thư	01/12/2002	2020	CQ_CN	3.21	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	
86		2054052018	Đỗ Thị Thu	Hằng	28/04/2002	2020	CQ_CN	3.21	90	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản
87		2054052015	Nguyễn Minh	Đạt	09/12/2002	2020	CQ_CN	3.21	85	Giỏi	4,630,000	70%	3,241,000	Chưa cung cấp số tài khoản
88		2054050276	Phan Đỗ Hoàng	Vi	30/09/2002	2020	CQ_CN	3.14	95	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
89		2054052043	Trần Võ Xuân	Nhi	12/06/2002	2020	CQ_CN	3.14	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	Chưa cung cấp số tài khoản
90		2054052001	Hoàng Thanh	An	11/05/2002	2020	CQ_CN	3.14	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
91		2054052029	Đặng Hoàng	Linh	30/11/2002	2020	CQ_CN	3.14	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
92		2054052051	Đào Như	Quỳnh	06/03/2002	2020	CQ_CN	3.14	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
93		2054052079	Bùi Thị Hạnh	Uyên	06/11/2002	2020	CQ_CN	3.14	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
94		2054050005	Nguyễn Hoàng	Anh	13/11/2002	2020	CQ_CN	3.14	85	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
95		2054050282	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	11/03/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
96		2054052026	Dương Văn	Khiêm	09/10/2002	2020	CQ_CN	3.00	78	Khá	4,630,000	50%	2,315,000	
97		2051052012	Đặng Phạm Đình	Chương	05/09/2002	2020	CQ_CN	3.79	90	Xuất sắc	4,900,000	100%	4,900,000	
98		2051052140	Lê Quang	Tới	25/09/2002	2020	CQ_CN	3.71	100	Xuất sắc	4,900,000	100%	4,900,000	Chưa cung cấp số tài khoản
99		2051052059	Đậu Xuân Hoàng	Hùng	28/12/2002	2020	CQ_CN	3.57	85	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
100		2051052051	Phan Lê	Hồ	02/06/2001	2020	CQ_CN	3.43	100	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
101		2051052096	Bùi Tiến	Phát	24/06/2002	2020	CQ_CN	3.29	100	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
102		2051052135	Cao Nguyên	Thụy	26/01/2002	2020	CQ_CN	3.29	90	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
103		2051052087	Nguyễn Kim Bảo	Ngân	02/06/2002	2020	CQ_CN	3.29	90	Giỏi	4,900,000	70%	3,430,000	
104		2051050265	Đặng Văn	Mãi	19/12/2001	2020	CQ_CN	3.14	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
105		2051052069	Vũ Phạm Tuấn	Kiệt	09/09/2002	2020	CQ_CN	3.00	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
106	20/CNTT	2051052072	Lê Văn	Lâm	02/01/2002	2020	CQ_CN	3.00	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
107		2051050145	Trương Thị Kim	Hoa	19/07/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
108		2051050549	Trần Đăng	Tuấn	28/08/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
109		2051052046	Huỳnh Minh	Hoàng	23/09/2001	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
110		2051052145	Trần Ngọc	Tuấn	20/10/2002	2020	CQ_CN	3.00	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
111		2051052016	Nguyễn Tấn	Cường	03/11/2002	2020	CQ_CN	3.00	88	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
112		2051052034	Nguyễn Thanh	Hải	05/05/2002	2020	CQ_CN	3.00	85	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
113		2051050459	Trịnh Quốc	Thảo	27/12/2002	2020	CQ_CN	3.00	85	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
114		2051052048	Phạm Tấn	Hoàng	03/02/2002	2020	CQ_CN	3.00	81	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
115		2051050488	Nguyễn Thanh	Thuyền	22/05/2002	2020	CQ_CN	2.86	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
116		2051052067	Phạm Trung	Kiên	27/09/2001	2020	CQ_CN	2.86	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
117		2051052108	Lê Anh	Quang	04/12/1997	2020	CQ_CN	2.86	80	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
118		2051012122	Nguyễn Anh	Trung	21/04/2002	2020	CQ_CN	2.86	80	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
119		2051052090	Võ Hữu	Nghĩa	19/06/2002	2020	CQ_CN	2.79	87	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
120		2051052056	Hàng Đức	Huy	27/09/2001	2020	CQ_CN	2.79	85	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
121		2051052054	Đoàn Gia	Huy	03/01/2002	2020	CQ_CN	2.79	80	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
122		2051052095	Vũ Hoàng	Phan	31/12/2001	2020	CQ_CN	2.79	75	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	
123		2051050219	Ngô Anh	Khôi	11/10/2002	2020	CQ_CN	2.71	100	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	Chưa cung cấp số tài khoản
124		2051052036	Nguyễn Văn	Hậu	11/11/2002	2020	CQ_CN	2.71	90	Khá	4,900,000	50%	2,450,000	

Xuất sắc: 44 Sinh viên
Giỏi: 43 Sinh viên
Khá: 37 Sinh viên

Tổng cộng: 124 Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: 481,073,000 đồng
(Bốn trăm tám mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Tp.HCM, ngày tháng năm

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB (Hệ 4)	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT	GHI CHÚ
-----	----------------	-------	--------	-----	-----------	-------------	-----------	----------------------	------------	---------------------	------------	------------	--------------------	---------

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

LÃNH ĐẠO KHOA

Lê Nguyễn Quốc Khang

Nguyễn Ngọc Anh

Trương Hoàng Vinh